

Nguồn: <http://theza2.mobie.in> - **Theza**

Tiểu luận:

Vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất của Đảng ta trong nền kinh tế ở Việt Nam hiện nay

=====

Mở đầu

1.Lý do chọn đề tài

Những hiện tượng lịch sử xuất hiện trong thượng tầng kiến trúc dưới nhiều hình thái tư tưởng phức tạp: chính trị, pháp lý, tôn giáo, nghệ thuật, triết lý; nhưng tất cả những hình thái đó, xét tới cùng, là do phương thức sản xuất đời sống vật chất quy định. Vậy muốn hiểu rõ sự biến chuyển trong thượng tầng kiến trúc, trước hết phải nghiên cứu sự biến chuyển vật chất trong điều kiện kinh tế của sự sản xuất, những mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, sự tác động của “quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất” tạo ra nguồn gốc và động lực cơ bản nhất đối với sự vận động, phát triển của nền sản xuất vật chất và do đó là sự vận động, phát triển của toàn bộ đời sống xã hội; sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại từ phương thức sản xuất thấp lên phương thức sản xuất cao hơn. Quy luật này còn là cơ sở để giải thích về nguồn gốc sâu xa của toàn bộ các hiện tượng xã hội, sự biến đổi trong đời sống chính trị. Vì vậy việc vận dụng quy luật này trong việc xây dựng, phát triển đất nước là điều hợp lý, tuy nhiên không phải quốc gia nào, đất nước nào cũng vận dụng nó một cách hiệu quả, việc vận dụng quy luật này cần có sự cân nhắc kĩ lưỡng.

Vì vậy tôi sẽ làm về đề tài “**Vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất của Đảng ta trong nền kinh tế ở Việt Nam hiện nay**”.

2.Tổng quan đề tài

Quy luật quan hệ sản xuất là một đề tài hay và cấp thiết hiện nay. Đã có rất nhiều những bài báo, trang thông tin nói tới vấn đề này, không những trong nước mà ngay cả các nước khác trên thế giới.

3.Mục đích nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu một cách hệ thống quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Đánh giá tình hình đất nước hiện nay để có thể vận dụng.

Đề đạt được mục đích nghiên cứu trên, bài tiểu luận có nhiệm vụ:

+Phân tích về quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất

+Đánh giá tình hình Việt Nam hiện nay và vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

4.Phạm vi nghiên cứu:

Vấn đề quan hệ sản xuất là một vấn đề rộng. Trong phạm vi của tiểu luận, bản thân chỉ nghiên cứu một số nội dung chủ yếu về quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, cũng như đi sâu vào phân tích quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

5.Phương pháp nghiên cứu

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Leenin, Chính sách của Nhà nước, của Đảng Cộng Sản Việt Nam là cơ sở phương pháp luận định hướng nghiên cứu.

Ngoài các phương pháp luận, bài tiểu luận sử dụng các phương pháp cụ thể, chú trọng phương pháp lịch sử kết hợp với logic, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê, khảo sát và tổng kết thực tiễn,...

6.Đóng góp của tiểu luận

Góp phần làm hiểu sâu và rõ hơn về quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và vận dụng ở Việt Nam hiện nay.

7.Kết cấu bài tiểu luận

Bài tiểu luận được chia làm 2 chương với việc tìm hiểu và phân tích về chủ nghĩa tư bản độc quyền trong việc hình thành nên cộng đồng ASEAN.

Chương I

Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

1.Quan hệ sản xuất

1.1.Khái niệm của quan hệ sản xuất

Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (sản xuất và tái sản xuất xã hội).

Quan hệ sản xuất do con người tạo ra, nhưng nó hình thành một cách khách quan trong quá trình sản xuất, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của sản xuất, các mặt của quan hệ sản xuất thống nhất với nhau tạo thành một hệ thống mang tính ổn định tương đối so với sự vận động, phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất.

1.2.Kết cấu của quan hệ sản xuất

Quan hệ sản xuất gồm ba mặt:

- Chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất tức là quan hệ giữa người đối với tư liệu sản xuất, nói cách khác tư liệu sản xuất thuộc về ai.
- Chế độ tổ chức và quản lý sản xuất, kinh doanh, tức là quan hệ giữa người với người trong sản xuất và trao đổi của cải vật chất như phân công chuyên môn hoá và hợp tác hoá lao động, quan hệ giữa người quản lý với công nhân.
- Chế độ phân phối sản xuất, sản phẩm tức là quan hệ chặt chẽ với nhau và cùng một mục tiêu chung là sử dụng hợp lý và có hiệu quả tư liệu sản xuất để làm cho chúng không ngừng được tăng trưởng, thúc đẩy tái sản xuất mở rộng, nâng cao phúc lợi người lao động. Các mặt nói trên của quan hệ sản xuất có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn

nhau, trong đó quan hệ sở hữu giữ vai trò quyết định. Tuy nhiên, quan hệ tổ chức quản lý và quan hệ phân phối lưu thông cũng có tác động trở lại quan hệ sở hữu.

2.Lực lượng sản xuất

2.1.Khái niệm của lực lượng sản xuất

Lực lượng sản xuất là sự kết hợp giữa người lao động (sức khỏe, thể chất, kinh nghiệm, kĩ năng, tri thức lao động của họ) với tư liệu sản xuất mà trước hết là công cụ lao động để tạo ra một sức sản xuất vật chất nhất định.

2.2.Kết cấu của lực lượng sản xuất

Lực lượng sản xuất thể hiện năng lực thực tiễn của con người trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất. Lực lượng sản xuất bao gồm người lao động với kỹ năng lao động của họ và tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động. Trong quá trình sản xuất, sức lao động của con người và tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động, kết hợp với nhau tạo thành lực lượng sản xuất.

Con người: “Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động”. Chính người lao động là chủ thể của quá trình lao động sản xuất, với sức mạnh và kỹ năng lao động của mình, sử dụng tư liệu lao động, trước hết là công cụ lao động để sản xuất ra của cải vật chất. Cùng với quá trình lao động sản xuất, sức mạnh và kỹ năng lao động của con người ngày càng được tăng lên, đặc biệt là trí tuệ của con người không ngừng phát triển, hàm lượng trí tuệ của người lao động ngày càng cao. Ngày nay, với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, lao động trí tuệ ngày càng đóng vai trò chính yếu

Tư liệu sản xuất gồm đối tượng lao động và tư liệu lao động. Trong tư liệu sản xuất thì nhân tố công cụ lao động là nhân tố phản ánh rõ nhất trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và thể hiện tiêu biểu trình độ con người chinh phục thế giới tự nhiên.

3. Quy luật về sự phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

Tính chất của LLSX: là tính chất của TLSX và của người lao động. Nền SX đó bằng thủ công cá thể hoặc bằng máy móc tập thể, thể hiện là sự đòi hỏi phân công lao động trong nền sản xuất.

Trình độ của LLSX: được biểu hiện ở trình độ công cụ lao động cộng với trình độ tổ chức lao động xã hội + trình độ ứng dụng khoa học và sản xuất + kinh nghiệm, kỹ năng lao động của con người + trình độ phân công lao động.

3.1. Lực lượng sản xuất có vai trò quyết định đối với sự hình thành, biến đổi và phát triển của quan hệ sản xuất

Trình độ của lực lượng sản xuất biểu hiện ở trình độ của công cụ lao động, ở trình độ kỹ năng, kinh nghiệm của người lao động, trình độ ứng dụng khoa học kỹ thuật và sản xuất... ứng với trình độ của lực lượng sản xuất là tính chất của nó. Trình độ của lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất cụ thể:

Tương ứng với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất đòi hỏi phải có một quan hệ sản xuất phù hợp ở cả ba mặt của nó. Xu hướng của sản xuất vật chất là không ngừng biến đổi và phát triển, do yêu cầu phát triển của sản xuất vật chất khi lực lượng sản xuất không ngừng phát triển lên một trình độ cao hơn, đòi hỏi quan hệ sản xuất cũng phải biến đổi theo cho phù hợp tạo động lực cho sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Tuy nhiên cần nhận thấy, lực lượng sản xuất là yếu tố động nhất, cách mạng nhất, nó luôn vận động và biến đổi trong quá trình lịch sử, hay nói cách khác lực lượng sản xuất thường phát triển nhanh hơn trong khi quan hệ sản xuất thì chậm thay đổi hơn. Chính vì

vậy, khi sự phát triển của lực lượng sản xuất đạt đến một trình độ nhất định thì sẽ mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất hiện có và xuất hiện yêu cầu phải xóa bỏ quan hệ sản xuất lỗi thời thay thế bằng một quan hệ sản xuất mới phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

3.2.Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất

Mặc dù bị quyết định bởi lực lượng sản xuất, nhưng quan hệ sản xuất có tính độc lập tương đối so với lực lượng sản xuất, vì vậy quan hệ sản xuất có thể tác động trở lại lực lượng sản xuất:

Quan hệ sản xuất quy định mục đích, cách thức của sản xuất phân phối do đó nó có ảnh hưởng trực tiếp tới thái độ của người lao động, tới năng suất, chất lượng, hiệu quả của quá trình sản xuất và cải tiến công cụ lao động, từ đó tác động tới lực lượng sản xuất.

Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất diễn ra theo hai xu hướng:

-Nếu quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất thì sẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển

-Nếu quan hệ sản xuất không phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất thì sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất

Sự phù hợp “ được quan niệm là sự phù hợp biện chứng chứa đựng mâu thuẫn”, tức là sự phù hợp trong mâu thuẫn, bao hàm mâu thuẫn.Sự kìm hãm của quan hệ sản xuất đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất có thể là do quan hệ sản xuất lạc hậu hơn hoặc do quan hệ sản xuất vượt trước trình độ của lực lượng sản xuất hiện có.

Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ chung nhất chi phối toàn bộ tiến trình lịch sử nhân loại. Sự phát triển của lực lượng sản xuất kéo theo sự phát triển của quan hệ sản xuất, phá bỏ quan hệ sản xuất lỗi thời, quá

trình này lặp đi lặp lại làm cho xã hội loài người trải qua những phương thức sản xuất từ thấp tới cao dẫn tới sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế xã hội.

Chương II

Vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất của Đảng ta trong nền kinh tế ở Việt Nam hiện nay

1. Tình hình kinh tế đất nước ta hiện nay

Hiện nay Đảng ta đang lãnh đạo đất nước thực hiện công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Muốn làm tốt trọng trách này, thì phải tạo điều kiện cho bản thân nền kinh tế, trong đó thành phần kinh tế tư nhân là một thành phần rất năng động, hiệu quả. Có điều kiện này thì Đảng mới có thể có thêm kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ cụ thể để lãnh đạo thành công mục tiêu tăng trưởng kinh tế đó chính là làm cho lực lượng sản xuất phát triển

Trong tiến trình lãnh đạo và quản lý đất nước của Đảng và Nhà nước ta trong suốt mấy chục năm qua thực tiễn đã cho thấy những mặt được cũng như những mặt còn hạn chế trong quá trình nắm bắt và vận dụng các quy luật kinh tế cũng như quy luật quan hệ sản xuất – lực lượng sản xuất vào thực tiễn ở nước ta, với đặc điểm của nước ta là Nước nông nghiệp, nghèo nàn, lạc hậu, lực lượng sản xuất thấp kém, con trâu đi trước cái cày đi sau, trình độ quản lý thấp cùng với nền sản xuất nhỏ tự cấp, tự túc là chủ yếu. Mặt khác Nước ta là nước thuộc địa nửa phong kiến lại phải trải qua hai cuộc chiến tranh, nhiều năm bị đế quốc Mỹ bao vây cấm vận nhiều mặt, nhất là về kinh tế. Do vậy lực lượng sản xuất chưa có điều kiện phát triển.

Sau khi giành được chính quyền, trước yêu cầu xây dựng CNXH trong điều kiện nền kinh tế kém phát triển, Nhà nước ta đã dùng sức mạnh chí trị tư tưởng để xóa bỏ nhanh chế độ tư hữu, chuyển sang chế độ công hữu với hai hình thức toàn dân và tập thể, lúc đó được coi là điều kiện chủ yếu, quyết định, tính chất, trình độ xã hội hoá sản xuất cũng như sự thắng lợi của CNXH ở nước ta. Song trong thực tế cách làm này đã không mang lại kết quả như mong muốn, vì nó trái quy luật QHSX phải phù hợp với tính chất và trình độ của LLSX, đã để lại hậu quả là:

Thứ nhất: Đối với những người sản xuất nhỏ (nông dân, thợ thủ công, buôn bán nhỏ..) thì tư hữu về TLSX là phương thức kết hợp tốt nhất giữa sức lao động và TLSX. Việc tiến hành tập thể nhanh chóng TLSX dưới hình thức cá nhân bị tập trung dưới hình thức sở hữu công cộng, người lao động bị tách khỏi TLSX, không làm chủ được quá trình sản xuất, phụ thuộc vào lãnh đạo HTX, họ cũng không phải là chủ thể sở hữu thực sự dẫn đến TLSX trở thành vô chủ, gây thiệt hại cho tập thể.

Thư hai: Kinh tế quốc doanh thiết lập tràn lan trong tất cả các ngành. Về pháp lý TLSX cũng thuộc sở hữu toàn dân, người lao động là chủ sở hữu có quyền sở hữu chi phối, định đoạt TLSX & sản phẩm làm ra nhưng thực tế thì người lao động chỉ là người làm công ăn lương, chế độ lương lại không hợp lý không phản ánh đúng số lượng & chất lượng lao động của từng cá nhân đã đóng góp. Do đó chế độ công hữu về TLSX cùng với ông chủ của nó trở thành hình thức, vô chủ, chính quyền (bộ, ngành chủ quản) là đại diện của chủ sở hữu là người có quyền chi phối, đơn vị kinh tế mất dần tính chủ động, sáng tạo, mất động lực lợi ích, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả nhưng lại không ai chịu trách nhiệm, không có cơ chế giàng buộc trách nhiệm, nên người lao động thờ ơ với kết quả hoạt động của mình.

Đây là căn nguyên nảy sinh tiêu cực trong phân phối, chỉ có một số người có quyền định đoạt phân phối vật tư, vật phẩm, đặc quyền đặc lợi.

Ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, phát triển kinh tế tập trung ở hai lực lượng chính: lực lượng sản xuất của doanh nghiệp nhà nước (thường gọi là quốc doanh, thuộc thành phần kinh tế nhà nước); lực lượng sản xuất ngoài quốc doanh (thường gọi là dân doanh, thuộc kinh tế tư nhân).

Ông bà ta thường nói: muốn biết bơi phải nhảy xuống nước. Còn Lenin, trong tác phẩm “Chính sách kinh tế mới và những nhiệm vụ của các Ban giáo dục chính trị”, đã viết: “Hoặc là tất cả những thành tựu về mặt chính trị của chính quyền Xô viết sẽ tiêu tan, hoặc là phải làm cho những thành tựu ấy đứng vững trên một cơ sở kinh tế. Cơ sở này hiện nay chưa có. Đây chính là công việc mà chúng ta cần bắt tay vào làm” đúng theo quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

2. Vận dụng của Đảng ta trong nền kinh tế hiện nay

Con người không thể tự ý lựa chọn quan hệ sản xuất nói chung và quan hệ sở hữu nói riêng một cách chủ quan duy ý chí. Sở hữu vừa là kết quả vừa là điều kiện cho sự phát triển của lực lượng sản xuất, là hình thức xã hội có tác dụng thúc đẩy hoặc kìm hãm lực lượng sản xuất. Chính vì vậy, mỗi loại hình, hình thức sở hữu chưa thể mất đi khi chúng còn phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, và cũng không thể tùy tiện dựng lên, hay thủ tiêu chúng khi lực lượng sản xuất không đòi hỏi. Do vậy, khi quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải tính đến sự biến đổi phức tạp từ quan hệ sản xuất, trong đó trực tiếp là chế độ sở hữu.

Quan hệ sở hữu xã hội chủ nghĩa, cũng như quan hệ sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề luôn thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu lý luận, song ở đây, vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau.

Chúng ta đều biết, khi nghiên cứu xã hội tư bản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã phát hiện ra mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá của sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn đó là cơ sở sâu xa làm nảy sinh các mâu thuẫn khác và quy định sự vận động phát triển của xã hội tư bản. Từ đó, các ông đi đến dự báo về sự thay thế chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa bằng chế độ công hữu. Việc thay thế chế độ tư hữu bằng chế độ công hữu, theo quan điểm của các ông, không thể tiến hành ngay một lúc, mà phải là một quá trình lâu dài. Tuy nhiên, vào giai đoạn lịch sử đó, các ông chưa chỉ ra mô hình cụ thể về chế độ công hữu.

Kiểu quan hệ sản xuất – quan hệ sở hữu này hay kiểu quan hệ sản xuất – quan hệ sở hữu khác tùy thuộc vào tính chất và trình độ lực lượng sản xuất. Ở nước ta hiện nay trình độ lực lượng sản xuất còn thấp lại không đồng đều giữa các ngành, các vùng. Có những vùng, miền mà người dân vẫn dùng cái cuốc, con trâu để lao động nhưng cũng có nơi lao động trong phòng thí nghiệm, trong khu công nghệ cao.

Do vậy, tất yếu phải tồn tại nhiều hình thức sở hữu, trong đó có sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, nên chưa thể đặt vấn đề xoá ngay mọi hình thức bóc lột. Chỉ đến khi trình độ xã hội hóa sản xuất phát triển cao mâu thuẫn với chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, thì khi ấy mới có điều kiện chín muồi thực hiện cuộc cách mạng xây dựng xã hội không còn bóc lột. Chúng ta không thể thủ tiêu chế độ sở hữu ngay lập tức được mà chỉ có thể thực hiện dần dần, và chỉ khi nào đã tạo được một lực lượng sản xuất hiện đại, xã hội hóa cao độ với năng suất lao động rất cao thì khi đó mới xoá bỏ được chế độ tư hữu.

Đất nước chúng ta đang thực hiện nhất quán nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, mục đích là phải sản xuất ra thêm nhiều giá trị thặng dư. Vấn đề bóc lột hay không bóc lột thể hiện trong quan hệ phân phối. Bình đẳng trong phân phối được thực hiện dưới những hình thức cụ thể như thế nào là tùy thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Đối với đất nước của chúng ta, đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường hợp với xu thế của thời đại và điều kiện cụ thể của nước ta. Tuy nhiên, chúng ta tiến lên chủ nghĩa xã

hội từ một nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, nên phải trải qua nhiều khâu trung gian (thời kỳ quá độ).

Điểm nổi lên là kinh tế của chúng ta còn quá nghèo nàn, lạc hậu ... vì vậy khâu trọng yếu mà chúng ta phải xây dựng đó là phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Đồng thời phải xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần (nhiều hình thức sở hữu đan xen nhau) là phù hợp với yêu cầu phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất của nước ta hiện nay.

Đồng thời không ngừng đổi mới chính trị, củng cố tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Xây dựng đời sống văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Thực hiện mục tiêu “ dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” . Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta (xây dựng lực lượng sản xuất)

- Đây là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ.
- Phải đạt được trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt công nghệ thông tin và công nghệ sinh học.
- Từng bước phát triển nền kinh tế tri thức.
- coi giáo dục đào tạo là nhiệm vụ hàng đầu.
- . Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội (củng cố đổi mới kiến trúc thượng tầng):
- Đổi mới hệ thống chính trị.
- Nâng cao sức chiến đấu của Đảng.
- Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

Kết Luận

Có thể nói giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có mối quan hệ biện chứng, hữu cơ không thể tách rời trong đó lực lượng sản xuất giữ vai trò quan trọng quyết định, nó là nội dung còn quan hệ sản xuất giữ vai trò hình thức của phương thức sản xuất. Vì thế chúng ta cần phải hiểu và vận dụng một cách tốt nhất những quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trên thực tế không phải lúc nào cũng có được sự phù hợp tuyệt đối giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Nhưng phải tùy theo tình hình thực tế mà chọn giải pháp phù hợp. Đặc biệt sản xuất giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất còn nhiều lộn xộn trong việc nghiên cứu sử dụng và phát triển các phương thức sản xuất. Nhưng nếu chúng ta sử dụng đúng các quy luật trên cộng với điều hoà quan hệ lực lượng sản xuất thì không lâu sau nước ta sẽ tiến nhanh cùng với các nước trên con đường công nghiệp hoá – hiện đại hoá mà Đảng và Nhà nước đã chọn.

Với những thành tựu mà nước ta đã đạt được ta thấy hiệu quả của việc Đảng và Nhà nước ta đã nhạy bén với thời cuộc, xem xét, nắm bắt tình hình nước ta một cách chính xác để đưa ra các chính sách phù hợp, và không thể phủ nhận hiệu quả của việc vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất của nước ta trong công cuộc đổi mới đất nước.

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Góp phần hướng dẫn học tập môn triết học Mác – Lênin. Tập 2
Nhà xuất bản chính trị quốc gia năm 2003
2. Tài liệu Lenin toàn tập – Tập 38
Nhà xuất bản Maxcova 1977
3. Giáo trình Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin
Chính Trị Quốc Gia